

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3383 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính  
của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 10615/VPCP-KTTH ngày 31/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của TKV;*

*Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại công văn số 6603/BCT-TC ngày 16/07/2014 về việc phê duyệt Quy chế tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;*


*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

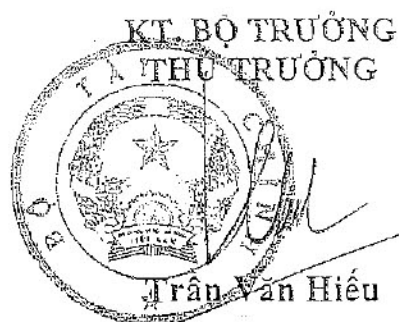
**Điều 1. Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (kèm theo)**

**Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1511/QĐ-BTC ngày 22/06/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.**

Điều 3. Cục trưởng Tài chính doanh nghiệp, Chánh Văn phòng Bộ, thủ trưởng các đơn vị liên quan, Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Tập đoàn CN Than&KS Việt Nam;
- Lưu: VT, Cục TCDN (15 bản).



**QUY CHẾ**  
**Quản lý tài chính của**  
**Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3383/QĐ-BTC*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

2. Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam” (sau đây gọi là Tập đoàn TKV, viết tắt trong Quy chế này là TKV) là Công ty mẹ của Tập đoàn các công ty TKV, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b) “Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam” (sau đây gọi là Tập đoàn các công ty TKV) là nhóm công ty không có tư cách pháp nhân bao gồm:

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (doanh nghiệp cấp I);

- Các công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (doanh nghiệp cấp II);

- Các công ty con của doanh nghiệp cấp II (doanh nghiệp cấp III);

- Các công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Các khái niệm: Đơn vị trực thuộc TKV; Công ty con; Công ty liên kết; Doanh nghiệp thành viên; Cổ phần chi phối, Vốn góp chi phối; Cổ phần không chi phối, Vốn góp không chi phối; Quyền chi phối của TKV; Thị trường nội bộ Tập đoàn các Công ty TKV; Kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty TKV... được quy định tại Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật Việt Nam.

### **Điều 3. Chủ sở hữu**

Nhà nước là chủ sở hữu của TKV. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với TKV.

## **Chương II QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA TKV**

### **Mục 1 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

#### **Điều 4. Vốn của TKV**

1. Vốn của TKV bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại TKV, vốn do TKV tự huy động và các loại vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **2. Vốn điều lệ**

a) Vốn điều lệ của TKV được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Vốn điều lệ của TKV được điều chỉnh tăng trong quá trình kinh doanh theo quy định của pháp luật, thủ tục điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo quy định của Chính phủ.

c) Nguồn bổ sung vốn điều lệ của TKV từ Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn bổ sung khác (nếu có). Trường hợp sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại TKV để bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của TKV trong việc sử dụng vốn và quỹ do TKV quản lý**

1. TKV được quyền chủ động sử dụng số vốn nhà nước đầu tư, các loại vốn khác, các quỹ do TKV quản lý vào hoạt động kinh doanh của TKV theo quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu, Bộ Tài chính về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc trường hợp sai phạm khác để thực hiện giám sát theo quy định.

2. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 6. Huy động vốn**

1. Việc huy động vốn của TKV thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, Thông tư số 220/2013/TT-BTC và các quy định khác của pháp luật.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

a) TKV được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của TKV không vượt quá 3 lần, bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với doanh nghiệp có vốn góp của TKV. Trong đó: Hội đồng thành viên phê duyệt phương án huy động vốn có giá trị khoản vay tương đương từ 5% đến dưới 30% vốn điều lệ của TKV.

Hội đồng thành viên ủy quyền và giao cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn (huy động vốn) có giá trị khoản vay tương đương dưới 5% vốn điều lệ của TKV.

b) Trường hợp TKV có tổng nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại điểm a khoản này để đầu tư các dự án quan trọng phải báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả.

3. Cho vay lại:

a) Những hợp đồng tín dụng do TKV vay để thực hiện các dự án đầu tư sau đó được chuyển giao sang các Công ty con, Công ty liên kết của TKV theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì TKV phải thoả thuận với các tổ chức cho vay hoặc Bên bảo lãnh cho vay để chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay sang các Công ty tiếp nhận các dự án đầu tư từ TKV. Trường hợp không được các tổ chức cho vay hoặc Bên bảo lãnh cho vay đồng ý chuyển đổi chủ thể vay thì TKV thực hiện ký hợp đồng cho vay lại với các Công ty tiếp nhận dự án đầu tư. Sau khi ký hợp đồng cho vay lại, TKV báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính để thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật.

b) Chi phí cho vay lại giữa TKV và các đơn vị được nhận vay lại không cao hơn chi phí hợp đồng tín dụng mà TKV đã ký kết với các tổ chức tín dụng.

c) Các khoản TKV cho vay lại quy định tại Điều này không tính vào danh mục các khoản đầu tư ra ngoài của TKV.

d) TKV phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan phát sinh từ các thỏa thuận vay (hoặc bảo lãnh vay), các chế độ bảo cáo, giám sát theo đúng quy định của pháp luật đối với khoản vay mà TKV đã cho công ty con, công ty liên kết vay lại.

đ) TKV phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, dự báo tình hình tài chính và khả năng trả nợ của các đơn vị nhận vay lại để kịp thời đưa ra các giải pháp thu nợ.

#### **Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải trả**

1. TKV có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.

2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của TKV, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của TKV.

#### **Điều 8. Quản lý vốn đầu tư xây dựng**

1. Quản lý vốn trong quá trình đầu tư xây dựng từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đến khi quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của TKV.

2. Lãnh đạo TKV và các đơn vị trực thuộc TKV chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh tại đơn vị và số liệu, tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến Báo cáo tài chính, Quyết toán vốn đầu tư của các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành, công trình đầu tư nâng cấp. Thủ trưởng các đơn vị tự thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của mình theo quy chế giám sát hiện hành.

#### **Điều 9. Bảo toàn vốn nhà nước**

1. TKV có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đã đầu tư tại TKV. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm TKV phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp TKV kinh doanh thua lỗ (không bảo toàn được vốn chủ sở hữu) thì Hội đồng thành viên phải có báo cáo giải trình gửi chủ sở hữu và Bộ Tài chính về nguyên nhân không bảo toàn được vốn, hướng khắc phục trong thời gian tới.

Việc xử lý lỗ của TKV thực hiện theo quy định của Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



2. TKV thực hiện bảo toàn vốn Nhà nước bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Việc trích lập các khoản dự phòng bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn; dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là quy định trích lập dự phòng của Bộ Tài chính). Đối với khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp được trích lập dự phòng theo quy định về trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các Thông tư nêu trên.

TKV phải xây dựng quy chế quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro, tăng hiệu quả trong kinh doanh; xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ.

#### **Điều 10. Đầu tư vốn ra ngoài TKV**

1. TKV thực hiện hoạt động đầu tư vốn ra ngoài TKV theo quy định tại các Điều 29, 30, 31, 32, 33 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Trong đó:

a) TKV không được sử dụng tài sản do TKV đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài TKV.

b) Trường hợp đối với các khoản đầu tư ra ngoài TKV, khi TKV được nhận số lệnh cổ phiếu do các công ty cổ phần phát hành mà không phải thanh toán tiền (kể cả số lượng cổ phiếu đã nhận được đang theo dõi bằng số lượng trong thuyết minh báo cáo tài chính định kỳ theo quy định), TKV phải theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của TKV, cụ thể:

- Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) TKV hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài TKV tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

- Đối với cổ phiếu nhận được không phải thanh toán còn lại (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), TKV căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được và mệnh giá cổ phiếu để ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài TKV.

2. TKV thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và theo hướng dẫn sau:

a) Phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài TKV:

- Việc chuyển nhượng vốn của TKV đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tại công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên thực hiện theo hình thức đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 220/2013/TT-BTC.

- Việc chuyển nhượng vốn của TKV đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tại công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 8 của Thông tư số 220/2013/TT-BTC.

- Việc chuyển nhượng vốn của TKV đầu tư tại các công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 8 của Thông tư số 220/2013/TT-BTC. Riêng việc thuê tổ chức thực hiện bán đấu giá và xác định giá bán trong trường hợp bán thỏa thuận doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 30 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP thì việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải theo nguyên tắc giá thị trường tại thời điểm bán. Trong đó:

+ Trường hợp giá chuyển nhượng dự kiến sẽ thu được sát với giá thị trường (giá đã được thẩm định theo các quy định của pháp luật về thẩm định giá, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam), nhưng vẫn thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của TKV, nếu TKV đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và khoản trích lập dự phòng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá bán dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên quyết định chuyển nhượng để thu hồi vốn đầu tư ra ngoài.

+ Trường hợp khoản trích lập dự phòng vẫn thấp hơn chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi trên sổ kế toán với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thì Hội đồng thành viên phải báo cáo Chủ sở hữu xem xét, quyết định trước khi thực hiện chuyển nhượng.

- Đối với chuyển nhượng các loại công trái, trái phiếu mà TKV đã đầu tư để hưởng lãi thì việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định khi phát hành hoặc phương án phát hành của tổ chức (chủ thể) phát hành. Trường hợp TKV chuyển nhượng trái phiếu trước kỳ hạn thì giá chuyển nhượng phải đảm bảo nguyên tắc thu hồi đủ giá trị đã đầu tư và có lãi.



Riêng việc chuyển nhượng trái phiếu đã được đăng ký lưu ký, niêm yết và giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán, TKV thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

b) Hạch toán tiền thu chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài:

Tiền thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài TKV sau khi trừ giá trị vốn đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của TKV, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định, số tiền còn lại TKV hạch toán vào kết quả kinh doanh của TKV.

## **Mục 2** **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA TKV**

### **Điều 11. Tài sản của TKV**

1. Tài sản của TKV bao gồm các tài sản ngắn hạn (như tiền, hàng tồn kho, các tài sản ngắn hạn khác) và các tài sản dài hạn (như tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác).

2. TKV phải quản lý, sử dụng tài sản có hiệu quả, tránh để lãng phí, ứ đọng, không cần dùng, thất thoát, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu.

### **Điều 12. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định**

TKV phải xây dựng kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm, bao gồm cả danh mục các dự án đầu tư từ nhóm B trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc một mức khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của TKV trình Chủ sở hữu phê duyệt.

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của TKV :

a) Hội đồng thành viên TKV quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30% vốn điều lệ của TKV nhưng không vượt quá dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng. Hội đồng thành viên TKV quyết định phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên. Các dự án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên do chủ sở hữu doanh nghiệp xem xét, quyết định.

b) Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

2. Đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của TKV:

Các chức danh là Viên chức quản lý sử dụng phương tiện đi lại đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, sử dụng phương tiện đi lại khi đi công tác, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác chung của TKV thực hiện theo quy định

của Thủ tướng Chính phủ. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Hội đồng thành viên TKV quyết định theo mức quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

### **Điều 13. Khấu hao tài sản cố định**

Chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Điều 21 Nghị định 71/2013/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Điều 14. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản**

1. TKV được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của TKV theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên TKV quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 30% vốn điều lệ của TKV.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của TKV để thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 15. Thanh lý, nhượng bán tài sản**

1. TKV được quyền chủ động thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, kém mất phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn. Trường hợp nhượng bán, thanh lý tài sản hình thành từ vốn vay lại của Chính phủ, từ vốn vay được Chính phủ bảo lãnh khi khoản vay còn dư nợ thì phải có ý kiến chấp thuận của Nhà tài trợ (đối với khoản vay lại Chính phủ) hoặc của Người cho vay (đối với khoản vay có bảo lãnh Chính phủ) và ý kiến của Bộ Tài chính trước khi nhượng bán, thanh lý.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng thành viên TKV quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 30% vốn điều lệ của TKV nhưng không quá mức dự án nhóm B. Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên báo cáo Chủ sở hữu quyết định.

b) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của TKV không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, TKV phải giải trình nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Bộ Công Thương và Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu, TKV không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới TKV không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì Hội đồng thành viên phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Chủ sở hữu xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do TKV tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Tổng giám đốc TKV quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường.

Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì TKV được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

4. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 220/2013/TT-BTC.

#### **Điều 16. Quản lý hàng hóa tồn kho**

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa TKV mua về để bán còn tồn lại, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. TKV được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

3. Đối với hàng hóa tồn kho thuộc đối tượng trích lập dự phòng thì việc trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho thực hiện theo hướng dẫn về trích lập dự phòng của Bộ Tài chính

4. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì TKV phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

5. TKV phải xây dựng quy chế, quy định về quản lý các loại hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, đang đi trên đường; sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán. Quy chế, quy định phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong TKV và trách nhiệm

của từng bộ phận, từng cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý tài sản của TKV nêu trên.

Tổng giám đốc TKV chịu trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc các đơn vị thành viên xây dựng các định mức vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược; định mức nguyên liệu, vật liệu dự phòng cho sản xuất và thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các định mức đã được xây dựng.

#### **Điều 17. Quản lý các khoản nợ phải thu**

Việc quản lý, xử lý các khoản nợ phải thu của TKV thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 25 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Mọi trường hợp công nợ phải thu không có khả năng thu hồi, sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định xử lý, TKV phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo quyết định xử lý.

Đối với nợ phải thu thuộc đối tượng trích lập dự phòng thì việc trích lập và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi thực hiện theo hướng dẫn về trích lập dự phòng của Bộ Tài chính.

#### **Điều 18. Kiểm kê tài sản**

1. TKV phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp: Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của TKV; hoặc theo quy định của Nhà nước. TKV thực hiện thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

##### **2. Xử lý kiểm kê**

##### **a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê**

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. TKV phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, doanh nghiệp không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án xử lý tổn thất trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét xử lý.

- TKV có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

**b) Tài sản thừa sau kiểm kê**

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của TKV.

**Điều 19. Đánh giá lại tài sản**

1. TKV thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp: cổ phần hóa, bán hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo các hình thức khác.
- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài TKV.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

**Điều 20. Chênh lệch tỷ giá**

Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Mục 3**

**DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Điều 21. Doanh thu và thu nhập khác**

1. Doanh thu và thu nhập khác của TKV được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Doanh thu của TKV bao gồm doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

- a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.



b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của TKV, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, kể cả chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ có tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính thấp hơn tỷ giá ghi trên sổ kế toán; tiền thu từ chuyển nhượng vốn của TKV đầu tư tại doanh nghiệp khác; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài TKV (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do TKV sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty cổ phần). Trường hợp lợi nhuận được chia đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì TKV không phải nộp thuế thu nhập đối với khoản lợi nhuận được chia này.

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận, được ghi nhận là thu nhập khác của TKV và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật, tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác của TKV.

5. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác của TKV phát sinh phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật kế toán và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của TKV theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

6. Doanh thu, thu nhập khác được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22. Chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh của TKV là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Chi phí hoạt động kinh doanh gồm một số nội dung sau:

### **1. Chi phí sản xuất kinh doanh:**

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định.

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà TKV phải nộp theo quy định.



đ) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của TKV;

- Tiền thuê đất;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;

- Chi cho công tác y tế;

- Thường sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc TKV, Giám đốc đơn vị quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

- Chi phí cho lao động nữ;

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

- Chi phí ăn ca cho người lao động;

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại TKV (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

- Các khoản chi phí bằng tiền khác.

g) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại Điều 17; Giá trị tài sản tổn thất thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

h) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm.

i) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài TKV (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn); giá trị vốn góp được chuyển nhượng, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

c) Chi phí để thu tiền phạt;

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng.

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của TKV; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh TKV mà do cá nhân gây ra.

4. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật, tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV.

### **Điều 23. Quản lý chi phí**

1. Chi phí của TKV bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác. TKV phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đảm bảo các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo quy định trong pháp luật về thuế.

2. TKV phải xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của TKV. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong TKV biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

3. TKV phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của TKV và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

4. Định kỳ, TKV phải tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của TKV nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

5. Các khoản chi phí của TKV phải đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ thì không được hạch toán vào chi phí. Đối với các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ, người nào quyết định chi, người đó chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

6. Tổng giám đốc TKV có trách nhiệm xây dựng trình Hội đồng thành viên định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức lao động; định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh trên cơ sở định mức của Tập đoàn ban hành làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của đơn vị, chỉ đạo các đơn vị xây dựng và ban hành các định mức chi tiết, chủ động xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí phù hợp với thực trạng và hoạt động của TKV.

#### **Điều 24. Doanh thu, chi phí tính thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Việc xác định doanh thu, chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

### **Mục 4**

## **LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 25. Lợi nhuận thực hiện**

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của TKV là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ phát sinh trong kỳ.

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

#### **Điều 26. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của TKV sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này được phân phối theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 27. Thu, chi phí đảm bảo an toàn hàng hải.**

1. Thu phí bảo đảm an toàn hàng hải trong năm của Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả, sau khi trừ khoản trích nộp ngân sách nhà nước theo quy

định được hạch toán vào doanh thu của Công ty. Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả phải mở sổ kế toán để theo dõi riêng các khoản thu phí đảm bảo an toàn hàng hải trong năm để thực hiện theo dõi và quyết toán hàng năm.

2. Số chi phí đảm bảo an toàn hàng hải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 119/2010/TT-BTC ngày 11/08/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Số chênh lệch thu, chi phí bảo đảm an toàn hàng hải, được trích 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi theo nguyên tắc trích quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và Thông tư số 220/2013/TT-BTC cho số cán bộ, công nhân viên làm công tác bảo đảm an toàn hàng hải. Số còn lại được để lại bổ sung Quỹ đầu tư phát triển của Công ty, nguồn bổ sung này chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng, Cảng Cẩm Phả.

3. Hàng năm, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu, chi phí bảo đảm an toàn hàng hải, kế hoạch đầu tư từ nguồn chênh lệch thu, chi bổ sung Quỹ đầu tư, báo cáo TKV phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

4. TKV chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) thực hiện việc kiểm tra, quyết toán chi phí bảo đảm an toàn hàng hải để làm cơ sở cho TKV phê duyệt quyết toán phí bảo đảm an toàn hàng hải.

**Điều 28. Thu, chi do thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Vietmindoennergitama Indonesia.**

1. Doanh thu tiêu thụ 10% sản lượng than thương phẩm (hoặc 10% doanh thu bằng tiền) hàng năm được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Vietmindoennergitama Indonesia được xác định là doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

2. Các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến sản lượng than được chia từ thời điểm giao nhận đến khi tiêu thụ như: chi phí vận chuyển từ nhà sàng Ưông Thượng đến địa điểm giao hàng, chi phí gia công chế biến, bốc xúc, tiêu thụ... hạch toán vào chi phí tính thuế trong kỳ.

3. Lợi nhuận thu được do thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định bằng doanh thu từ 10% tổng số than thương phẩm được chia trừ (-) các khoản chi phí có liên quan đến sản lượng than được chia từ thời điểm giao nhận đến khi tiêu thụ.

Lợi nhuận thu được sau khi nộp thuế TNDN theo quy định của hợp đồng hợp tác kinh doanh được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

4. Các khoản doanh thu, chi phí, lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên được hạch toán, theo dõi riêng để làm cơ sở quyết toán số nộp ngân sách nhà nước và trích lập Quỹ đầu tư phát triển.

5. Hàng năm, TKV chủ trì, phối hợp với - Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) và cơ quan thuế địa phương thực hiện việc kiểm tra, quyết

toán, xác định doanh thu, chi phí từ thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh để xác định nguồn trích vào Quỹ đầu tư phát triển hàng năm.

#### **Điều 29. Sử dụng các quỹ.**

Việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 39 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và theo hướng dẫn sau:

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của TKV. Trường hợp TKV có vốn chủ sở hữu lớn hơn so với vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính có phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chuyển quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

- Việc điều chuyển quỹ đầu tư phát triển của TKV chỉ được xác định sau khi TKV đã sử dụng quỹ để bổ sung đủ mức vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tính đến thời điểm 31/12 của năm báo cáo tài chính.

- Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có quyết định điều chuyển của Thủ tướng Chính phủ, TKV có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đồng thời hạch toán giảm quỹ đầu tư phát triển tương ứng với số tiền đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Trường hợp TKV chậm nộp, không chấp hành nộp thì ngoài việc đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ của viên chức quản lý doanh nghiệp, TKV phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp, TKV sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. TKV phải xây dựng quy chế quản lý sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của ban chấp hành công đoàn TKV và công khai trong TKV trước khi thực hiện.

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp của TKV dùng để chi theo nội dung và đúng đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 39 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và điểm b, khoản 1 Điều 19 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

### **Mục 5**

#### **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN**

##### **Điều 30. Kế hoạch tài chính**

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đã được chủ sở hữu phê duyệt, TKV xây dựng kế hoạch sản xuất kinh



doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng đã được chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của TKV và nhu cầu thị trường, TKV xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

3. Hàng năm, TKV xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính kế hoạch thu, chi phí bảo đảm an toàn hàng hải và kế hoạch đầu tư từ nguồn chênh lệch thu, chi để bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

4. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên TKV quyết định, TKV thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

5. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do TKV lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để TKV hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Bộ Công Thương và Bộ Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của TKV.

#### **Điều 31. Công tác kế toán, thống kê, kiểm toán**

1. TKV phải tổ chức thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính; thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm TKV thuê các tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của TKV (gồm báo cáo tài chính của TKV và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) và các đơn vị trực thuộc TKV.

#### **Điều 32. Báo cáo tài chính và báo cáo khác**

TKV thực hiện báo cáo tài chính và báo cáo khác theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Trong đó:

1. Kết thúc năm tài chính, TKV phải lập và gửi đúng thời hạn các báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo thống kê cho các cơ quan theo quy định hiện hành, thực hiện công khai tài chính theo quy định.

2. Báo cáo tài chính năm của TKV được lập theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và bổ sung Biểu mẫu số 02b-DN “Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm ....” theo phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC.

3. Ngoài việc lập và gửi báo cáo tài chính năm, khi hoàn thành báo cáo giám sát và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, TKV phải gửi Chủ sở hữu và Bộ Tài chính.



4. Ngoài các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định nêu trên, TKV phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước. Đối với khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, TKV gửi các báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

### Chương III

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 33. Điều khoản thi hành

1. TKV có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này và Quy chế quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ vào Quy chế này và pháp luật có liên quan, Hội đồng thành viên TKV có trách nhiệm xây dựng các quy chế tài chính về đầu tư vốn và quản lý tài chính đối với công ty con do TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy chế nội bộ để tổ chức công tác quản lý tài chính của các công ty con và các đơn vị trực thuộc của TKV cho phù hợp.

3. Việc lập, quản lý và sử dụng các Quỹ tập trung của TKV thực hiện theo Thông tư số 206/2012/TT-BTC ngày 26/11/2012 của Bộ Tài chính.

4. Các quy định khác áp dụng đối với TKV trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ. /.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu